TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2020/HS - ST
Ngày 04 - 6 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Hiều và bà Nguyễn Lê Ph.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường xét xử số 1 - Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2020/HS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Đinh Thị Th** - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/3/1981 tại tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản N1, xã T, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân D1, sinh năm 1959 và bà Lý Thị D2, sinh năm 1963; có chồng: Hoàng Việt S, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 06/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Ngày 06/12/2017 chấp hành xong hình phạt chính, ngày 20/01/2017 đã thi hành xong phần dân sự.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 17/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn M** - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 20/9/1981 tại tỉnh Quảng Ninh; Nơi cư trú: Thôn N2, xã Th, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1960; có vợ: Lý Thị Ng, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 17/12/2019, bị tạm giam đến ngày 15/01/2020 được áp dụng biện pháp "Bảo lĩnh". Có mặt.

3. **Tòng Thị V** - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 03/02/1990 tại tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Bản N3, xã Ph, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tòng Văn Ch, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966; có chồng: Hoàng Văn L, sinh năm 1988 và 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 17/12/2019, bị tạm giữ đến ngày 25/12/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Chị Tòng Thị Ph, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu 8, xã Đ, huyện Th Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Lò Thị Th1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã Tân Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Cà Thị G, sinh năm 1996; địa chỉ: Bản H, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Chị Lò Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Bản N4, xã N5, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã V1, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Nguyễn Xuân M2, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 11, khu 2B, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Nguyễn Văn M3, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Ch, xã Th, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn V2, xã A, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Anh Hoàng Ngọc H2, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ 4, khu 5, phường B, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019, tại quán cà phê do Đinh Thị Th làm chủ ở tổ 8, khu 6, phường H3, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Đinh Thị Th và Nguyễn Văn M đã có hành vi bố trí, sắp xếp cho Nguyễn Thanh T và Phạm Xuân M2 thực hiện việc mua bán dâm với Tòng Thị Ph và Lò Thị Th1 tại các phòng ngủ của quán. Tiếp đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi được Th nhờ quản lý quán, Tòng Thị V đã có hành vi bố trí, sắp xếp cho Nguyễn Văn M3, Vũ Văn Đ thực hiện việc mua bán dâm với Tòng Thị Ph và Lò Thị Th1. Khi M3 và Th1, Đ và Ph đang thực hiện việc mua bán dâm tại phòng số 2 và số 3 của quán thì bị Công an thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, Thu giữ vật chứng gồm: 02 bao cao su đã qua sử dụng; 32 bao cao su nhãn hiệu VIP; 400.000 đồng do V giao nộp, 500.000 đồng do Th giao nộp, Ph và Th1 mỗi người giao nộp 100.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Thị Th khai nhận: Bị cáo thuê quán của ông Vũ Văn Th2 tại tổ 8, khu 6, phường H3, thành phố Hạ Long từ tháng 7/2019 để kinh doanh cà phê, nước giải khát nhưng không đem lại lợi nhuận cao nên từ đầu tháng 12/2019 bị cáo Th1ê Tòng Thị V, Tòng Thị Ph, Lò Thị Th1, Cà Thị G, Lò Thị H1 làm nhân viên bán dâm. Tại quán còn có Nguyễn Văn M giúp bị cáo nội trợ, dọn dẹp, khi bị cáo bận thì M đứng ra mời gọi khách, thỏa thuận giá với khách mua dâm. Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019, bị cáo và M nhìn thấy có hai nam thanh niên đến quán, lúc này bị cáo vào gọi nhân viên rồi đi vào phòng số 1 nói chuyện điện thoại còn M giúp bị cáo thỏa thuận với khách và bố trí cho Th1, Ph bán dâm cho khách tại phòng số 2, số 3. Sau khi cả hai nam thanh niên mua dâm xong, thì một người đưa cho bị cáo 500.000 đồng, bị cáo trả lại 100.000 đồng. Theo thỏa thuận, bị cáo đã đưa cho Ph, Th1 mỗi người 100.000 đồng. Một lúc sau bị cáo và M đi chợ. Trước khi đi, bị cáo nhờ V trông coi, quản lý quán, nếu có khách đến mua dâm thì nhờ V mời gọi khách, thu tiền hộ rồi chuyển tiền lại cho bị cáo và được V đồng ý. Đến khi bị cáo và M đi chợ về thì thấy lực lượng công an kiểm tra phát hiện Ph, Th1 đang bán dâm cho hai nam Th niên tên Đ và M3 lần lượt tại phòng ngủ số 2, số 3.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M khai nhận: Vào khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019, bị cáo cùng Th đang ở phòng khách thì có 02 nam thanh niên cùng đi trên chiếc xe mô tô ngang qua. Bị cáo đã vẫy tay gọi hai người vào. Một người hỏi bị cáo giá mua dâm thì bị cáo nói 200.000 đồng/lượt. Theo sự lựa chọn của khách, bị cáo bố trí cho Th1, Ph bán dâm cho khách tại phòng số 2, số 3. Mua dâm xong, một thanh niên trả tiền mua dâm cho Th 500.000 đồng, Th trả lại 100.000 đồng. Sau đó, bị cáo và Th đi chợ đến 16 giờ 30 phút cùng ngày về đến quán thì có lực lượng công an kiểm tra, phát hiện hai đôi trai gái đang mua bán dâm. Bị cáo ăn ở, sinh hoạt tại quán và một lần giúp Th chứa mại dâm nhưng không được Th chia tiền.

Bị cáo Tòng Thị V tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khai nhận: Khoảng đầu tháng 12/2019, bị cáo được Th thuê làm nhân viên bán dâm, ăn ở sinh hoạt và bán dâm tại quán, mỗi lần bán dâm Th thu của khách 200.000 đồng, người bán dâm được hưởng 100.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019, có 02 nam thanh niên mua dâm với Th1 và Ph tại quán, quá trình thỏa thuận như thế nào thì bị cáo không biết. Sau đó Th, M đi chợ, nhờ bị cáo quản lý quán, nếu có khách mua dâm thì bị cáo được quyền thỏa thuận và thu tiền của khách giúp cho Th. Khoảng 16 giờ cùng ngày có 02 thanh niên đến mua dâm, bị cáo trực tiếp thỏa thuận giá và thu 400.000 đồng. Hai thanh niên đó chọn Th1, Ph, khi họ đang thực hiện mua bán dâm tại phòng số 2, số 3 thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ.

Các bị cáo Đinh Thị Th, Nguyễn Văn M và Tòng Thị V thừa nhận Viện kiểm sát truy tố, Toà án xét xử về hành vi "Chứa mại dâm" của các bị cáo là đúng người đúng tội, không oan.

Những người làm chứng chị Lò Thị Th1 và chị Tòng Thị Ph vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai thể hiện: Th1 và Ph được Th thuê, cho sinh hoạt và bán dâm tại quán của Th. Hai bên thỏa thuận mỗi lần bán dâm Th sẽ thu 200.000 đồng thì người bán dâm sẽ được hưởng 100.000 đồng. Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019 được Th, M bố trí bán dâm cho hai nam thanh niên và được Th trả cho 100.000 đồng. Sau khi Th, M đi chợ thì V được quản lý quán. Lúc này có 03 thanh niên đi xe mô tô đến quán. V trực tiếp thỏa thuận và thu 400.000 đồng của khách. Rồi hai thanh niên chọn Th1, Ph để mua dâm tại phòng số 2, số 3. Quá trình mua bán dâm thì bị Công an bắt quả tang.

Những người làm chứng anh Nguyễn Thanh T, anh Phạm Xuân M2, anh Vũ Văn Đ, anh Nguyễn Văn M3 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra có lời khai: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/12/2019, Đ, M3 gặp M2, T tại khu vực K thì được biết hai người vừa đi mua dâm ở H3 về nên Đ, M3 thuê xe ôm chở đến H3 để tìm mua dâm. Đến nơi Đ, M3 thỏa thuận và đưa cho V 400.000 đồng. V bố trí cho Đ, M3 mua dâm với Th1, Ph. Khi hai người đang mua dâm thì bị Công an bắt quả tang. Các anh M2, T nhận dạng người qua ảnh và đều khẳng định Đinh Thị Th là người trực tiếp nhận tiền khi các anh thanh toán tiền mua dâm và Nguyễn Văn M là người vẫy tay gọi hai anh vào quán mua dâm.

Những người làm chứng chị Lò Thị H1, chị Cà Thị G và anh Hoàng Ngọc H2 đều có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về địa điểm, thời gian, Ph thức giao dịch, số lần mua bán dâm tại quán giải khát của Đinh Thị Th.

Tại bản cáo trạng số 119/CT-VKSHL ngày 25/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố bị cáo Đinh Thị Th tội "Chứa mại dâm" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn M và Tòng Thị V bị truy tố tội "Chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên trình bày luận tội, đưa ra các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Thị Th từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt; Áp dụng: Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng; xử phạt bị cáo Tòng Thị V từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 32 bao cao su; tịch thu sung ngân sách nhà nước 800.000 đồng; trả bị cáo Th 300.000 đồng.

Đối với các anh Nguyễn Thanh T, Phạm Xuân M2, Nguyễn Văn M3, Vũ Văn Đ có hành vi mua dâm; các chị Tòng Thị Ph, Lò Thị Th1 có hành vi bán dâm, Công an thành phố Hạ Long đã xử phạt hành chính nên không đề cập giải quyết.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hạ Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, khẳng định việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng Th1 giữ và các tài liệu chứng cứ Th1 thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa như: Biên bản kiểm tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; biên bản khám xét, biên bản nhận dạng, bản luận tội của Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa. Với các chứng cứ nêu trên

đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 16/12/2019, tại quán cà phê do Đinh Thị Th làm chủ ở tổ 8, khu 6, phường H3, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Đinh Thị Th và Nguyễn Văn M đã có hành vi bố trí, sắp xếp cho Nguyễn Thanh T và Phạm Xuân M2 thực hiện việc mua bán dâm với Tòng Thị Ph và Lò Thị Th1 tại các phòng ngủ của quán. Tiếp đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi được Th nhờ quản lý quán, V đã có hành vi bố trí, sắp xếp cho Nguyễn Văn M3, Vũ Văn Đ thực hiện việc mua bán dâm với Tòng Thị Ph và Lò Thị Th1. Khi M3 và Th1, Đ và Ph đang thực hiện việc mua bán dâm tại phòng số 2 và số 3 của quán thì bị Công an thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống lành mạnh, văn minh cũng như đạo đức xã hội chủ nghĩa. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu được sự nghiêm cấm của pháp luật đối với hành vi chứa mại dâm nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, phạm tội với lỗi cố ý vì mục đích vụ lợi. Hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Thị Th thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, hành vi đó đã thỏa mãn dấu hiệu và đủ yếu tố cấu thành tội: "Chứa mại dâm" mà tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M, Tòng Thị V thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã thỏa mãn và đủ yếu tố cấu thành tội "Chứa mại dâm" quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Th thuê địa điểm, thuê gái mại dâm và chuẩn bị các điều kiện vật chất khác để phục vụ hoạt động chứa mại dâm tại nơi ở với mục đích thu lợi bất chính, vì vậy bị cáo Th giữ vai trò chính. Các bị cáo M, V dù biết bị cáo Th chứa mại dâm nhưng vẫn đồng ý một lần giúp sức cho Th. Như vậy, bị cáo M, V là đồng phạm giúp sức có vai trò sau bị cáo Th.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Th có nhân thân xấu, bị cáo từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản", đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân mà tiếp tục phạm tội. Các bị cáo M, V có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có xác nhận của chính quyền địa phương ngoài lần phạm tội này các bị cáo và gia đình luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân; hai bị cáo đều có trình độ văn hóa thấp, nhận thức pháp luật hạn chế.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo Th và V đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lời bất chính, là người dân tộc thiểu số cư trú ở

vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo M là lao động chính trong gia đình, một mình làm việc nuôi mẹ già bị liệt phải nằm một chỗ, vợ không việc làm, con còn nhỏ; bị cáo V và chồng không có công ăn việc làm, con ốm đau bệnh tật, bị liệt bẩm sinh, cả hai bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn. Vì vậy, các bị cáo Th, V, M được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình, xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật mà cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Đối với bị cáo Th cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo Th ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, giáo dục bị cáo tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Đối với các bị cáo M, V chưa có tiền sự, tiền án, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, đồng thời việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và cũng không gây ảnh hưởng xấu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Nên xét thấy không cần phải bắt bị cáo M, bị cáo V chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ mà hai bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng các bị cáo đều không có việc làm, Th1 nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng: 02 bao cao su đã qua sử dụng trong quá trình điều tra đã tiến hành tiêu hủy nên không đề cập xử lý; 32 bao cao su nhãn hiệu VIP chưa sử dụng Th1 tại quán của Th, giá trị sử dụng không lớn nên tịch thu tiêu hủy; 500.000 đồng của Th trong đó có 200.000 đồng do chứa mại dâm mà có nên tịch thu sung ngân sách nhà nước còn 300.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Th; 400.000 đồng Th1 của V và 200.000 đồng thu của Ph và Th1 liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch Th1 sung ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Đinh Thị Th, Tòng Thị V là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương, có đơn xin được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm, nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị Th, Nguyễn Văn M và Tòng Thị V phạm tội "Chứa mại dâm".

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Thị Th 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 17 tháng 12 năm 2019.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tòng Thị V 18 (Mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn M cho Ủy ban nhân dân xã Th, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo Tòng Thị V cho Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa Ph trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn"Quyết định về việc Bảo lĩnh số 05/2020/HSST-BL ngày 25/4/2020" của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đối với bị cáo Nguyễn Văn M.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 67/2020/HSST-LCĐKNCT ngày 26/4/2020" của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đối với bị cáo Tòng Thị V.

Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy

32 (Ba mươi hai) chiếc bao cao su nhân hiệu VIP; Tịch thu sung ngân sách nhà nước 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Trả lại bị cáo Đinh Thị Th 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng được thi hành theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 156/BB-THA ngày 31/3/2020 và số 192A/BB -THA ngày 18/5/2020 giữa Công an thành phố Hạ Long và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long).

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Thị Th và Tòng Thị V; Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- CQĐT; Cơ quan THA hình sự;
Trại tạm giam CA. tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA dân sự TP. Hạ Long;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Hiệp